

**CÔNG TY TNHH THỜI TRANG LITANA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THỜI TRANG LITANA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LITANA FASHION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109998467

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

59 – C11, Tổ 28 , Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0921442420

Fax:

Email: [huyenleboutique2420@gmail.com](mailto:huyenleboutique2420@gmail.com) Website:  
m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                | 4610        |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                         | 4641(Chính) |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm, hàng gốm, sứ, thủy tinh, nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, vali, cặp, túi, ví, hàng da, dược phẩm, dụng cụ y tế, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện | 4649        |
| 4.  | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                        | 7310        |
| 5.  | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                     | 7320        |
| 6.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                 | 4690        |
| 7.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket), cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                          | 4719        |
| 8.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                                                                                                                 | 1311        |
| 9.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                                                                                                        | 1312        |
| 10. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                                                                                                                      | 1313        |
| 11. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                                                                                                                      | 1391        |
| 12. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                       | 1392        |
| 13. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                                                                                                                     | 1393        |
| 14. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                                                                                                            | 1394        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...; Sản xuất đồ tía trang trí: vải viền, quả tua; Sản xuất nỉ; Sản xuất màn tuyn và các màn bằng vải khác, sản xuất viền đăng ten cuộn, đăng ten mảnh, dải hoặc mẫu ten rời để trang trí; Sản xuất tấm dệt được tấm, được phủ hoặc tráng nhựa; Sản xuất sợi kim loại hoá hoặc dây thừng và dây cao su có lớp nguyên liệu dệt phủ ngoài, sợi dệt được tráng, phủ hoặc bọc bằng cao su hoặc nhựa; Sản xuất vải bố làm lớp xe bằng sợi nhân tạo có độ bền cao; Sản xuất các loại vải được tráng hoặc xử lý khác nhau như: quần áo đi săn, vải dùng cho họa sĩ, vải thô và các loại vải hồ cứng...; Sản xuất vải quần áo dễ co giãn; Sản xuất vải dùng vẽ tranh sơn dầu và vải vẽ kỹ thuật; Sản xuất dây giày; Sản xuất bông đánh phấn và găng tay; May bao đựng gạo, vắt sỏ quần áo. | 1399 |
| 16. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1410 |
| 17. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1420 |
| 18. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1430 |
| 19. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1511 |
| 20. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 1512 |
| 21. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1520 |
| 22. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 23. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 24. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2391 |
| 25. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2420 |
| 26. | Đúc sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2431 |
| 27. | Đúc kim loại màu<br>(Trừ hoạt động sản xuất, kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2432 |
| 28. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2511 |
| 29. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất thùng, can, thùng hình ống, xô, hộp; - Sản xuất các sản phẩm máy móc có đinh vít; - Sản xuất các động cơ (trừ động cơ đồng hồ) như: Xoắn ốc, động cơ thanh xoắn, các tấm lá trong động cơ; - Sản xuất dây cáp kim loại cách điện hoặc không cách điện; - Sản xuất đinh hoặc ghim; - Sản xuất đinh tán, vòng đệm và các sản phẩm không ren tương tự; - Sản xuất các sản phẩm đinh vít; - Sản xuất bulông, đai ốc và các sản phẩm có ren tương tự; (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương)                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2599 |
| 30. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4791 |

|     |                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 31. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: - Bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng). | 4799 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ thường trú: \_\_\_\_\_  
 Địa chỉ liên lạc: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ HUYỀN Giới tính: Nữ  
 Chức danh: *Tổng giám đốc*  
 Sinh ngày: 10/04/1975 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001175013421  
 Ngày cấp: 19/04/2021 Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
 Địa chỉ thường trú: 59 – C11, Tổ 28, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
 Địa chỉ liên lạc: 59 – C11, Tổ 28, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội